BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2997 /LĐTBXH-KHTC V/v báo cáo tình hình giải ngân vốn đầu tư công 8 tháng đầu năm 2021	*Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Thực hiện Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công; Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cập nhật tình hình giải ngân hàng tháng và báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

1. Tổng số vốn được giao trong năm 2021 là: 825,186 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn kế hoạch năm 2020 được phép kéo dài sang năm 2021 là: 17,486 tỷ đồng.

- Vốn thuộc kế hoạch năm 2021 là: 807,7 tỷ đồng.

2. Lũy kế thanh toán từ đầu năm đến tháng 8/2021 là: 227,337 tỷ đồng, đạt 27,6% kế hoạch.

- Thanh toán kế hoạch vốn năm 2020 được phép kéo dài sang 2021 là: 1,448 tỷ đồng, đạt 8,3% kế hoạch.

- Thanh toán kế hoạch vốn năm 2021 là: 225,889 tỷ đồng, đạt 28%. Trong đó vốn trong nước là 225,889 tỷ đồng, đạt 30,2% kế hoạch; vốn nước ngoài 0%.

Chi tiết tại các Phụ lục đính kèm.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

Phạm Quang Phụng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Trung tâm thông tin (trên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, KHTC.

Phụ lục số 01

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021, VỐN TRONG NƯỚC

(Kèm theo Công văn số 2997/LĐTBXH-KHTC ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2021 được giao				Kế hoạch năm 2021 đã phân bổ tại Quyết định số 1620/QĐ-LĐTBXH ngày 30/12/2021				Gía trị giải ngân tính đến 31/8/2021	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				
				Tổng số	*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*		Tổng số	*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*		
	TỔNG CỘNG		**740.024**	**739.810**			**740.024**	**739.810**	-	-	**223.534**	
A	**Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực**		**740.024**	**739.810**			**740.024**	**739.810**	-	-		
	Nhiệm vụ lập Quy hoạch		**13.647**	**13.647**			**13.647**	**13.647**	-	-		
1	Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng		2.551	2.551			2.551	2.551				
2	Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội		3.938	3.938			3.938	3.938				
3	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp		7.158	7.158			7.158	7.158				
I	**Xã hội**		**346.408**	**346.408**			**346.408**	**346.408**	-	-		
	Chuẩn bị đầu tư		**2.100**	**2.100**			**2.100**	**2.100**	-	-		
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Long An	Long An	300	300			300	300				
2	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Quảng Ngãi - giai đoạn 2	Quảng Ngãi	300	300			300	300				

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2021 được giao				Kế hoạch năm 2021 đã phân bổ tại Quyết định số 1620/QĐ-LĐTBXH ngày 30/12/2021				Gía trị giải ngân tính đến 31/8/2021	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				
				Tổng số	*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*		Tổng số	*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*		
3	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nghệ An - giai đoạn 2	Nghệ An	300	300			300	300				
4	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	300	300			300	300				
5	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh An Giang	An Giang	300	300			300	300				
6	Trung tâm phục hồi chức năng và trợ giúp trẻ khuyết tật	Tp. HCM	300	300			300	300				
7	Trung tâm điều dưỡng phục hồi chức năng tâm thần Việt Trì	Phú Thọ	300	300			300	300				
	Thực hiện dự án		**344.308**	**344.308**			**344.308**	**344.308**	**-**	**-**		
	Dự án hoàn thành		***241.946***	***241.946***			***241.946***	***241.946***	**-**	**-**		
	Dự án nhóm B		*211.207*	*211.207*			211.207	211.207				
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bình Định	Bình Định	38.149	38.149			38.149	38.149			8.000	
2	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	43.935	43.935			43.935	43.935			10.400	
3	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Sơn La	Sơn La	44.031	44.031			44.031	44.031			7.500	
4	Trung tâm điều dưỡng thương binh Lạng Giang	Bắc Giang	35.898	35.898			35.898	35.898			1.100	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2021 được giao				Kế hoạch năm 2021 đã phân bổ tại Quyết định số 1620/QĐ-LĐTBXH ngày 30/12/2021				Gía trị giải ngân tính đến 31/8/2021	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				
				Tổng số	*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*		Tổng số	*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*		
5	Trung tâm phục hồi sức khỏe người có công Sầm Sơn	Thanh Hóa	49.194	49.194			49.194	49.194			5.114	
	Dự án nhóm C		*30.739*	*30.739*			*30.739*	*30.739*	-	-		
1	Trung tâm điều dưỡng người có công Sa Pa (giai đoạn 2)	Lào Cai	30.739	30.739			30.739	30.739			9.960	
	Dự án chuyển tiếp		***62.362***	***62.362***			***62.362***	***62.362***	-	-		
	Dự án nhóm B		*62.362*	*62.362*			62.362	62.362	-	-		
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa	33.294	33.294			33.294	33.294				
2	Trung tâm điều dưỡng người có công và phục hồi chức năng thành phố Hồ Chí Minh	Tp.HCM	29.068	29.068			29.068	29.068			8.000	
	Dự án khởi công mới		***40.000***	***40.000***			***40.000***	***40.000***	-	-		
	Dự án nhóm B		*40.000*	*40.000*			*40.000*	*40.000*	-	-		
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bạc Liêu	Bạc Liêu	20.000	20.000			20.000	20.000			671	
2	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đồng Tháp	Đồng Tháp	20.000	20.000			20.000	20.000			557	
II	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**		**70.900**	**70.900**			**70.900**	**70.900**	-	-		
	Chuẩn bị đầu tư		**900**	**900**			**900**	**900**	-	-		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2021 được giao				Kế hoạch năm 2021 đã phân bổ tại Quyết định số 1620/QĐ-LĐTBXH ngày 30/12/2021				Gía trị giải ngân tính đến 31/8/2021	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				
				Tổng số	*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*		Tổng số	*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*		
1	Khu Giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh thuộc Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long	Vĩnh Long	300	300			300	300				
2	Cải tạo, nâng cấp Trường Đại học Lao động Xã hội	Hà Nội	300	300			300	300				
3	Cải tạo, nâng cấp Trường Đại học SPKT Nam Định	Nam Định	300	300			300	300				
	Dự án chuyển tiếp		***70.000***	***70.000***			70.000	70.000	-	-		
1	Trường Đại học Lao động xã hội (Cơ sở 2 Tp. Hồ Chí Minh)	Tp. HCM	70.000	70.000			70.000	70.000			30.310	
III	**Các hoạt động kinh tế**		**5.063**	**5.063**			**5.063**	**5.063**	-	-		
	Dự án hoàn thành		***5.063***	***5.063***			***5.063***	***5.063***	-	-		
	Dự án nhóm B		*5.063*	*5.063*			5.063	5.063	-	-		
1	Tăng cường năng lực công nghệ thông tin Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hà Nội	5.063	5.063			5.063	5.063			3.863	
IV	**Y tế, dân số và gia đình**		**28.850**	**28.636**			**28.850**	**28.636**	-	-		
	Dự án hoàn thành		***28.850***	***28.636***			***28.850***	***28.636***	-	-		
	Dự án nhóm B		*28.850*	*28.636*			28.850	28.636				
1	Mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Tp Hồ Chí Minh	Tp. HCM	28.850	28.636			28.850	28.636			15.159	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2021 được giao				Kế hoạch năm 2021 đã phân bổ tại Quyết định số 1620/QĐ-LĐTBXH ngày 30/12/2021				Gía trị giải ngân tính đến 31/8/2021	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				
				Tổng số	*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*		Tổng số	*Thu hồi các khoản ứng trước*	*Thanh toán nợ XDCB*		
VI	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội**		**275.156**	**275.156**			**275.156**	**275.156**	**-**	**-**		
	Dự án hoàn thành		***35.856***	***35.856***			***35.856***	***35.856***	**-**	**-**		
	Dự án nhóm B		*35.856*	*35.856*			35.856	35.856				
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở 35 Trần Phú	Hà Nội	35.856	35.856			35.856	35.856			7.000	
	Dự án chuyển tiếp		***239.300***	***239.300***			***239.300***	***239.300***	**-**	**-**		
	Dự án nhóm B		*239.300*	*239.300*			*239.300*	*239.300*	-	-		
1	Trụ sở liên cơ quan Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hà Nội	239.300	239.300			239.300	239.300			115.900	

Phụ lục số 02

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021 VỐN NGOÀI NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2021 đã được giao				Kế hoạch năm 2021 đã phân bổ tại Quyết định số 1620/QĐ-LĐTBXH ngày 30/12/2021				Giá trị giải ngân tính đến 30/6/2021				Giá trị giải ngân tính đến 37/7/2021			
		Tổng số	*Trong đó:* Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	*Trong đó:* Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	*Trong đó:* Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	*Trong đó:* Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)
			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ																
I	**Ngành Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**	**97.390**	**8.890**		**88.500**	**67.890**	**8.890**		**59.000**	**2.355**	**2.355**			**2.355**	**2.355**		
I.1	***Dự án chuyển tiếp***	**7.040**	**7.040**		**-**	**7.040**	**7.040**			**2.355**	**2.355**			**2.355**	**2.355**		
	Dự án "Chương trình kỹ năng và Kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện"	**7.040**	**7.040**	**-**	**-**	**7.040**	**7.040**	**-**		**2.355**	**2.355**			**2.355**	**2.355**	**-**	
	Dự án nhóm C																
(1)	Dự án "Dịch vụ tư vấn" (Dự án thành phần 1) thuộc Dự án "Chương trình Kỹ năng và Kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện"	7.040	7.040		-	7.040	7.040		-	2.355	2.355			2.355	2.355		
I.2	***Dự án khởi công mới***	**90.350**	**1.850**	**-**	**88.500**	**60.850**	**1.850**	**-**	**59.000**	**-**	**-**			**-**	**-**	**-**	
	Dự án "Chương trình kỹ năng và Kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện"	**90.350**	**1.850**	**-**	**88.500**	**60.850**	**1.850**	**-**	**59.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án nhóm B																
(1)	Dự án thành phần 2 tại Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh	27.650	650		27.000	18.650	650		18.000								

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2021 đã được giao				Kế hoạch năm 2021 đã phân bổ tại Quyết định số 1620/QĐ-LĐTBXH ngày 30/12/2021				Giá trị giải ngân tính đến 30/6/2021				Giá trị giải ngân tính đến 37/7/2021			
		Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	*Trong đó:*			ng số	*Trong đó:*		
			Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)
			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	
(2)	Dự án thành phần 3 tại Đại học sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long	30.600	600		30.000	20.600	600		20.000								
(3)	Dự án thành phần 4 tại Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất	32.100	600		31.500	21.600	600		21.000								

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Phụ lục số 03

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN KẾ HOẠCH NĂM 2020 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2021

(Kèm theo Công văn số 2997/LĐTBXH-KHTC ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm mở tài khoản	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết năm 2019 (triệu đồng)		Số vốn kéo dài thời gian giải ngân KH vốn NSTW (vốn trong nước) năm 2020 sang năm 2021	Số vốn giải ngân (tính đến 30/6/2021)	Số vốn giải ngân (tính đến 31/7/2021)
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)		Tổng số	Trong đó NSNN			
					Tổng số	Trong đó: NSNN					
II	**Thực hiện dự án**								**17.486**	**1.448**	**1.448**
a	**Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**								**17.486**	**1.448**	**1.448**
	Dự án nhóm B								***17.486***	***1.448***	***1.448***
	Dự án hoàn thành								*17.486*	*1.448*	*1.448*
1	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ Dung Quất	Quảng Ngãi	2016-2020	5[illegible]/QĐ-LĐTB[illegible]KH ngày 14[illegible]/2018	116.000	116.000	57.189	57.189	17.486	1.448	1.448